

Bản án số: **109/2024/HC-PT**

Ngày: 02-4-2024

*V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý
đất đai.”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

 ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Hòa Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 407/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2023/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 266/2024/QĐPT-HC ngày 11 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ 12, thôn P, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 12, thôn P, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Luật sư Đào Duy K – Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Vắng.

+ Luật sư Nguyễn Thanh C – Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Tr – Chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Văn Th – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường. Có mặt.

+ Ông Trương Công T2 – Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường. Có mặt.

+ Ông Bùi Thế K - Phó Giám đốc Trung tâm Bồi thường và giải phóng mặt bằng thuộc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển K1 Quảng Nam. Vắng (có đơn xin vắng mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1971. Vắng.

2. Ông Nguyễn Đức N2, sinh năm 1974. Vắng.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1983. Vắng.

4. Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1974. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Đức N2, sinh năm 1976. Vắng.

Cùng địa chỉ: Tổ 12, thôn P, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

6. Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn M1, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Nguyễn Thị P1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Thị Hồng H1, Nguyễn Đức N2 và Nguyễn Đức T3: ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 12, thôn P, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K1 Quảng Nam (Trung tâm Bồi thường và Giải phóng mặt bằng): Ông Bùi Thế K - Phó Giám đốc. Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, thống nhất trình bày:

Nguyên trước đây, ông bà nội của ông Nguyễn Đức L là ông Nguyễn Đức V và bà Nguyễn Thị Đ1 khai hoang sử dụng diện tích đất khoảng hơn 6600 m² tại thôn P, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Sau khi ông bà nội ông Nguyễn Đức L chết, thì cha mẹ ông Nguyễn Đức L là ông Nguyễn Đức T4 và bà Đặng Thị Ch tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất nói trên. Sau khi cha mẹ ông Nguyễn Đức L qua đời thì vợ chồng ông Nguyễn Đức L là người tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất đó để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1962 cho đến nay. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông Nguyễn Đức L có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/CT-TTg tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 09, diện tích 3060 m² (trong đó: 500m² đất thổ cư (T) và 2560 m² đất màu (ĐM) và có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28, diện tích 6643 m², mục đích sử dụng: Đất thổ cư.

Ngày 05/04/2004, hộ gia đình ông Nguyễn Đức L được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số vào sổ 1032 QSDĐ/H tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28, diện tích 6643 m², mục đích sử dụng: Đất ở + đất vườn (nay thuộc thửa đất số 398, thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 1-2020 được UBND huyện N phê duyệt ngày 21/5/2020).

Trong quá trình sử dụng, vợ chồng ông L đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất một phần diện tích nói trên cho các con của ông L sử dụng, cụ thể: Nguyễn Đức N2 150 m² (50 m² đất ở, 100 m² đất vườn), Nguyễn Đức N2 150 m² (50 m² đất ở, 100 m² đất vườn), Nguyễn Đức T3 150 m² (50 m² đất ở, 100 m² đất vườn), Nguyễn Đức P 150 m² (50 m² đất ở, 100 m² đất vườn). Diện tích đất còn lại là 6043 m².

Vừa qua, gia đình ông L có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo hồ sơ Cơ sở dữ liệu tại thửa đất số 398, tờ bản đồ số 18, diện tích 5448 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn (ONT).

Đến năm 2020, toàn bộ đất đai, tài sản nói trên của gia đình ông L nằm trong phạm vi giải tỏa để xây dựng dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N.

Ngày 25/11/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7381/QĐ-UBND, về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Trên thực tế, diện tích đất mà gia đình ông L quản lý sử dụng là có nguồn gốc tự khai hoang, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1962 (tức trước ngày 18/12/1980) đến nay, không ai khiếu nại tranh chấp và phù hợp với quy hoạch,

đặc biệt là vị trí, ranh giới và hình thể của thửa đất từ trước đến nay vẫn không có gì thay đổi. Tuy nhiên, tại Quyết định số 7381/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 nêu trên, UBND huyện N lại chỉ thu hồi loại đất ở tại nông thôn của gia đình ông L là 300 m², chứ không công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đối với loại đất ở tại nông thôn cho gia đình ông L là 1300 m² tại thửa đất số 398, thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 1-2020 được UBND huyện N phê duyệt ngày 21/5/2020 (theo Giấy CNQSD đất số vào sổ 1032 QSDĐ/H tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28 được UBND huyện N cấp ngày 05/04/2004) theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 27/11/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7485/QĐ-UBND ngày 27/11/2020, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng (GPMB) thực hiện Dự án: Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) - đợt 1, tại xã T1, huyện N. Ngày 19/8/2021, gia đình ông L đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, đồng thời nhận Quyết định số 7381/QĐ-UBND 25/11/2020 và Quyết định số 7485/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 nêu trên của UBND huyện N, nhưng chưa thống nhất bàn giao hết mặt bằng để thi công công trình.

Ông L thấy rằng, việc UBND huyện N ban hành Quyết định số 7381/QĐ-UBND ngày 25/11/2020, về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N là không đúng pháp luật và không phù hợp với thực tế khách quan, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 7381/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện N, về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành lại Quyết định về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N cho hộ gia đình ông L, trong đó công nhận quyền sử dụng đất đối với loại đất ở nông thôn là 1300 m² tại thửa đất số 398, thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 1-2020 được UBND huyện N phê duyệt ngày 21/5/2020 (theo Giấy CNQSD đất số vào sổ 1032 QSDĐ/H tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28 được UBND huyện N cấp ngày 05/04/2004). Đồng thời bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản và bố trí tái định cư cho gia đình ông L theo đúng quy định pháp luật.

**** Tại văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện N trình bày:***

1. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 7381/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (Giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N tại thửa đất số 398, thuộc mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 01-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam duyệt ngày 21/5/2020 (viết tắt là mảnh 01-2020):

a. Quá trình kê khai đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ:

- Theo hồ sơ 299/TTg thể hiện: Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 9, diện tích 500 m², loại đất T và 2.560 m² đất màu (ĐM) do ông Nguyễn Đức L kê khai đăng ký.

- Theo hồ sơ 64/CP: tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.643m², loại đất ở và vườn, do ông L kê khai, đăng ký.

- UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1032 QSDD/H ngày 05/4/2004, thửa số 98, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.643 m², loại đất ở và vườn.

Tại thửa đất trên, năm 2006 ông Nguyễn Đức L đã chuyển nhượng đất cho các con của ông là: Ông Nguyễn Đức N2 diện tích 150m², trong đó 50m² đất ở, 100m² đất vườn; ông Nguyễn Đức N2 diện tích 150m², trong đó 50m² đất ở, 100m² đất vườn; ông Nguyễn Đức T3 diện tích 150 m², trong đó 50m² đất ở, 100m² đất vườn (đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất N chính lý biến động ngày 12/12/2006). Đến năm 2007 ông Nguyễn Đức L tiếp tục chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Đức P (con ông L) diện tích 150m², trong đó 50m² đất ở, 100m² đất vườn (đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất N chính lý biến động ngày 25/2/2008). Diện tích còn lại của thửa đất là 6.043m².

- Theo hồ sơ đo đạc chính lý phục vụ công tác thu hồi đất dự án: ông Nguyễn Đức L kê khai đăng ký thửa đất số 398, thuộc mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 01-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Quảng Nam duyệt ngày 21/5/2020, diện tích 6.202m², loại đất ký hiệu ONT+ CLN.

b. Quá trình thu hồi đất thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng

- Tại số thứ tự 13, Danh sách kèm theo Biên bản họp hội đồng tư vấn xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất lập ngày 19/3/2020 của UBND xã T1 xác nhận thửa đất số 398, thuộc mảnh 01-2020 (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28) xác nhận thời điểm sử dụng đất trước ngày 18/12/1980 đăng ký hồ sơ 299/TTg tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 9, diện tích 500m² đất thổ cư (T) và diện tích 159m² tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo đạc trước đây thiếu chính xác.

Trên cơ sở nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Đức L, ngày 20/7/2020, UBND xã T1 ban hành tờ trình số 68/TTr-UBND đề nghị công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (Giai đoạn 2); Ngày 25/11/2020 UBND huyện N ban hành Quyết định số 7381/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án, qua đó công nhận và thu hồi diện tích 6.202m², trong đó: 300m² đất ở nông thôn (ONT) sử dụng trước ngày 18/12/1980, 5.902m² đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn của hộ ông Nguyễn Đức L tại thửa đất số 398, thuộc mảnh 01-2020.

Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ có liên quan ông Nguyễn Đức L có kê khai đăng ký hồ sơ 299/TTg tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 9, diện tích 500 m², loại đất thổ cư (T). Trong quá trình sử dụng đất ông Nguyễn Đức L đã chuyển nhượng cho người khác 200m² đất ở, nên diện tích đất ở còn lại của ông Nguyễn Đức L là 300m².

Trên cơ sở đó ngày 25/11/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7381/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án qua đó công nhận và thu hồi diện tích 6.202m², trong đó: 300m² đất ở nông thôn (ONT) sử dụng trước ngày 18/12/1980, 5.902m² đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn của hộ ông Nguyễn Đức L tại thửa đất số 398, thuộc mảnh 01-2020 là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức L về hủy Quyết định số 7381/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện N.

2. Đối với yêu cầu buộc UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản và bố trí tái định cho gia đình ông Nguyễn Đức L theo đúng quy định của pháp luật:

Trên cơ sở Quyết định công nhận đất, thu hồi đất nêu trên, đồng thời thực tế tại thời điểm thu hồi đất hộ ông Nguyễn Đức L có 02 cặp vợ chồng cùng sinh sống trên thửa đất bị thu hồi (hộ ông Nguyễn Đức L và hộ ông Phạm Văn T5 và vợ Nguyễn Thị Hồng H1), căn cứ vào số liệu kiểm đếm đã được lập tại Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng số 01/BBKK ngày 02/01/2020 giữa Trung tâm Bồi thường và GPMB thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K1 Quảng Nam với UBND xã T1, Chủ đầu tư và sự xác nhận của gia đình ông Nguyễn Đức L, các hồ sơ pháp lý có liên quan.

Vì vậy, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7485/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Đức L để giải

phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (Giai đoạn 2) - đợt 1, tại Quyết định này đã bồi thường, hỗ trợ đất đai, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây cối hoa màu, các khoản hỗ trợ khác theo quy định và bố trí 02 lô đất tái định cư cho ông Nguyễn Đức L (01 lô thứ nhất và 01 lô theo diện thu hồi đất vườn, ao trên 02 lần hạn mức giao đất ở). Đồng thời tại Quyết định số 7486/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Văn T5 và bà Nguyễn Thị Hồng H1 để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (Giai đoạn 2) - đợt 1, đã bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình, vật kiến trúc, các khoản hỗ trợ khác theo quy định và bố trí 01 lô đất tái định cư (lô thứ 02) cho ông Phạm Văn T5 và bà Nguyễn Thị Hồng H1 (là cặp vợ chồng thứ 02 cùng sinh sống trên thửa đất ở bị thu hồi của ông Nguyễn Đức L).

Riêng các hộ ông Nguyễn Đức N2, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Đức P (là con ruột của ông Nguyễn Đức L) đã nhận chuyển nhượng đất ở và đất vườn của ông Nguyễn Đức L như đã nêu trên và tại thời điểm thu hồi đất các hộ này đã có nhà ở, đất ở riêng nên UBND huyện N cũng đã ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư cho các hộ này theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7485/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Đức L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (Giai đoạn 2) - đợt 1, tại xã T1, huyện N và Quyết định số 7486/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Văn T5 và bà Nguyễn Thị Hồng H1 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (Giai đoạn 2) - đợt 1, tại xã T1, huyện N là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện N đề nghị bác yêu cầu này của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2023/HC- ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ khoản 2 và 4 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 103 Luật đất đai; khoản 1 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức L về việc:
 - Hủy Quyết định số 7381/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện N, về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án Khu

công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành lại Quyết định về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N cho hộ gia đình ông L, trong đó công nhận quyền sử dụng đất đối với loại đất ở nông thôn là 1300 m² tại thửa đất số 398, thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 1-2020 được UBND huyện N phê duyệt ngày 21/5/2020 (theo Giấy CNQSD đất số vào sổ 1032 QSDĐ/H tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28 được UBND huyện N cấp ngày 05/04/2004). Đồng thời bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản và bố trí tái định cư cho gia đình ông L theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, ông Nguyễn Đức L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức L; nhận thấy:

- Về nguồn gốc thửa đất: Ông Nguyễn Đức L là người sử dụng thửa đất khoảng 6.600 m² tại thôn P, xã T1, huyện N do cha mẹ ông để lại.

- Về kê khai, đăng ký qua các thời kỳ:

+ Kê khai theo Chỉ thị 299/CT-TTg: Ông Nguyễn Đức L đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/CT-TTg tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 09, diện tích 3.060 m² (trong đó: 500m² đất thổ cư (T) và 2.560 m² đất màu (ĐM));

+ Kê khai theo Nghị định 64/CP: Ông Nguyễn Đức L đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.643 m², mục đích sử dụng: Đất ở và đất vườn.

+ Ngày 05/04/2004, hộ gia đình ông Nguyễn Đức L được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1032 QSDĐ/H tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.643 m², mục đích sử dụng: Đất ở + đất vườn, nhưng không xác định bao nhiêu diện tích đất ở, đất vườn (nay thuộc thửa đất số 398, thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 1-2020 được UBND huyện N phê duyệt ngày 21/5/2020).

- Về quá trình sử dụng đất: Trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Nguyễn Đức L đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất một phần diện tích nói trên cho các con Nguyễn Đức N2, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Đức P, mỗi người 150 m² (gồm 50 m² đất ở và 100 m² đất vườn), tổng cộng 600 m² (gồm 200 m² đất ở và 400 m² đất vườn). Diện tích đất còn lại là 6.043 m².

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 “Đối với thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18/12/1980 và người đang sử dụng có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì: “Các giấy tờ khác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai có tên người sử dụng đất, bao gồm: 1. Sổ mục kê, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980”. Tại Sổ mục kê theo hồ sơ 299/TTg, ông Nguyễn Đức L đăng ký 500 m² đất thổ cư (T) và 2.560 m² đất màu (ĐM). Do đó, theo quy định trên, ông L chỉ được công nhận 500 m² đất ở. Ông Nguyễn Đức L đã chuyển nhượng cho người khác 200 m² đất ở. Như vậy, diện tích đất ở còn lại của ông Nguyễn Đức L là 300 m².

Do đó, ngày 25/11/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7381/QĐ-UBND, về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (giai đoạn 2) tại xã T1, huyện N. Theo đó, UBND huyện N thu hồi của gia đình ông Nguyễn Đức L là 300 m² đất ở là đúng với thực trạng sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Đức L và đúng quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu về bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ, tái định cư; xét thấy: Căn cứ vào số liệu kiểm đếm đã được xác định tại Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng số 01/BBKK ngày 02/01/2020 giữa Trung tâm bồi thường và GPMB thuộc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển K1 Quảng Nam với UBND xã T1, Chủ đầu tư và xác nhận của gia đình ông L. UBND huyện N đã bồi thường, hỗ trợ đất đai, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây cối hoa màu, các khoản hỗ trợ khác theo quy định và bố trí 02 lô đất tái định cư cho ông Nguyễn Đức L (01 lô thứ nhất và 01 lô theo diện thu hồi đất vườn, ao trên 02 lần hạn mức giao đất ở). Đồng thời tại Quyết định số 7486/QĐ-UBND ngày 27/11/2020

của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Văn T5 và bà Nguyễn Thị Hồng H1 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghiệp cơ khí ô tô C1 (Giai đoạn 2) - đợt 1, đã bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình, vật kiến trúc, các khoản hỗ trợ khác theo quy định và bố trí 01 lô đất tái định cư (lô thứ 02) cho ông Phạm Văn T5 và bà Nguyễn Thị Hồng H1 (là cặp vợ chồng thứ 02 cùng sinh sống trên thửa đất ở bị thu hồi của ông Nguyễn Đức L), là đúng pháp luật.

Từ quy định trên, án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức L là có căn cứ. Ông Nguyễn Đức L kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Đức L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2023/HC-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào